



máng rén

盲人

Noun · blind person

Example Sentences

máng rén guò mǎ lù shí xū yào bāng zhù
盲人过马路时需要帮助。

Blind people need help when crossing the road

zhè wèi máng rén zhèng zài yòng máng zhàng guò mǎ lù
这位盲人正在用盲杖过马路。

This blind person is crossing the road using a white cane.

dǎo máng quǎn bāng zhù máng rén ān quán xíng zǒu
导盲犬帮助盲人安全行走。

Guide dogs help blind people walk safely.

Trace each character, then write the word on your own.

盲	盲	盲	盲	盲	盲	盲	盲	盲	盲	盲
人	人	人	人	人						